TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 539/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/02/2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Đăng Vạn
2/ Bà Đặng Thị Thu Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Đường Lò Lu, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm do Tòa án nhân dân Quận 9 thụ lý số: 51/2020/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 519/2022/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 520/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 – ĐT
Trụ sở: thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1988 là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2021.
Địa chỉ: Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN
Trụ sở: phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Qúy D, sinh năm 1978 là đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2021.
Địa chỉ: phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Võ Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Quý Dương vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2020 của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 – ĐT và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Ngày 05/10/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 - ĐT (gọi tắt là Công ty ĐT) và Công ty cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN (gọi tắt là Công ty PN) ký kết Hợp đồng cung cấp cọc số: 50/2018/HĐ/BT620 về việc Công ty ĐT bán sản phẩm cọc ống bê tông ly tâm D600 cho Công ty PN để thực hiện công trình Khu nhà ở cao tầng Eden – Thuận An – khu phố Long Thới, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; Phụ lục hợp đồng số: 01-50/2018/HĐ/BT620 ngày 04/01/2019; Phụ lục hợp đồng số: 02-50/2018/HĐ/BT620 ngày 22/01/2019 với tổng giá trị hợp đồng là 8.910.462.000 đồng nhưng do phát sinh thêm trong quá trình thực hiện công trình nên tổng giá trị hợp đồng thực hiện trên thực tế là 9.237.140.000 đồng. Hợp đồng có thỏa thuận về phương thức thanh toán, trả lãi suất do chậm thanh toán, …

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 15/3/2019 Công ty ĐT và Công ty PN có ký Bảng quyết toán giá trị hoàn thành từ ngày 27/10/2018 đến ngày 13/3/2019, theo đó Công ty PN còn nợ lại số tiền là 2.133.923.450 đồng.

Ngày 24/9/2019, Công ty ĐT lập biên bản đối chiếu công nợ thông qua Giấy báo nợ lần 1 số: 26/2019/CV-KT/BT620 gửi Công ty PN với nội dung: Số ngày nợ quá hạn: 182 ngày với tổng số tiền: 661.692.000 đồng, số tiền bảo hành công trình 5%: 461.857.000 đồng, số tiền phải thanh toán: 199.835.000 đồng và đã được Công ty PN xác nhận cam kết thanh toán số nợ trên cho Công ty ĐT vào ngày 04/10/2019.

Ngày 15/8/2020, Công ty ĐT ban hành Giấy báo nợ lần 2 số: 24/2020/CV-KT/BT620 gửi Công ty PN có nội dung: Từ ngày xác nhận công nợ số tiền 661.692.000 đồng theo đối chiếu công nợ tại Giấy báo nợ lần 1 ngày 24/9/2019, đến ngày 15/8/2020 Công ty PN đã thanh toán được 249.000.000 đồng (Ngày 30/12/2019 thanh toán: 199.000.000 đồng, ngày 03/4/2020 thanh toán: 50.000.000 đồng). Như vậy, tính đến 15/8/2020, Công ty PN còn nợ Công ty ĐT khoản nợ quá hạn là 412.692.000 đồng, thời gian quá hạn tính đến ngày 15/8/2020 là 296 ngày, thời gian thanh toán lần cuối chậm nhất vào ngày 30/8/2020, hết thời hạn trên nếu chưa thanh toán dứt điểm công nợ thì công ty sẽ khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết, khi đó ngoài thanh toán công nợ nêu trên thì còn phải trả thêm lãi suất chậm trả theo thỏa thuận hợp đồng và các chi phí có liên quan đến vụ kiện.

Sau khi chốt nợ đến nay, Công ty PN còn nợ số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng nhưng không thanh toán tiếp. Nay Công ty ĐT khởi kiện yêu cầu Công ty PN phải trả số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 550 ngày, tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán là từ

ngày 28/3/2019 đến thời điểm thực tế thanh toán tạm tính đến ngày 28/9/2020 là 52.205.538 đồng (với lãi suất 8,5%/năm, tương đương 0,023%/ngày) với tổng số tiền là 464.897.538 đồng nên yêu cầu Công ty PN phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 30/11/2021, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh T xác định: Công ty PN còn nợ Công ty ĐT số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng và nợ tiền lãi suất do chậm thanh toán đươc các bên thỏa thuận tại Điều 7.1 của hợp đồng, cụ thể: Lãi suất tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán là từ ngày 28/3/2019 đến thời điểm thực tế thanh toán tạm tính đến 28/11/2021 là: 93.499.499 đồng (với lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) là 8,5%/năm, tương đương 0,708%/tháng, cụ thể: 412.692.000 đồng x 0,708%/tháng x 32 tháng = 93.499.499 đồng) nên yêu cầu Công ty PN phải trả tổng số tiền là 506.191.500 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Qúa trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn có thay đổi mức tính lãi suất 7,5%/năm so với đơn khởi kiện (là 8,5%/năm), cụ thể tại Bản tự khai ghi ngày 20/12/2021, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 23/02/2022, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Công ty PN thanh toán số tiền nợ gốc là 412.692.000 đồng và số tiền lãi chậm trả theo Điều 7 của Hợp đồng hai bên đã ký là 7,5%/năm, tương đương 1,625%/tháng tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 28/02/2022) là 35 tháng là 90.276.375 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 502.968.375 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN do ông Nguyễn Nhân Quyết, ông Trịnh Xuân Dũng, ông Nguyễn Qúy D là người đại diện hợp pháp trình bày như sau: Thống nhất Công ty ĐT và Công ty PN ký kết Hợp đồng cung cấp cọc số: 50/2018/HĐ/BT620 về việc bán sản phẩm cọc ống bê tông ly tâm cho Công ty PN, Phụ lục hợp đồng số: 01-50/2018/HĐ/BT620 ngày 04/01/2019; Phụ lục hợp đồng số: 02-50/2018/HĐ/BT620 ngày 22/01/2019 với tổng giá trị hợp đồng thực hiện thực tế 9.237.140.000 đồng để thi công dự án Khu nhà ở cao tầng tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do Công ty PN làm nhà thầu thi công. Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa đôi bên đến nay không có tranh chấp gì ngoài số tiền Công ty PN chưa thanh toán hết cho Công ty ĐT. Xác định Công ty PN đã thanh toán tổng cộng 8.824.448.000 đồng còn nợ Công ty ĐT số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng. Thống nhất giữa đôi bên có thỏa thuận trả lãi suất do chậm thanh toán tại Điều 7.1 của Hợp đồng nên tổng cộng tiền lãi chậm trả đến ngày 28/11/2021 là 93.499.499 đồng (với lãi suất của Ngân hàng Sacombank là 8,5%/năm, tương đương 0,708%/tháng, cụ thể: 412.692.000 đồng x 0,708%/tháng x 32 tháng = 93.499.499 đồng), tuy nhiên do Công ty PN gặp nhiều khó khăn về tài chính nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ĐT.

Thừa nhận Công ty PN còn nợ Công ty ĐT số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng và sẽ thanh toán làm 03 đợt, cụ thể: Ngày 31/12/2012, thanh toán 206.000.000 đồng; Ngày 30/01/2022, thanh toán 103.000.000 đồng; Ngày

28/02/2022, sẽ thanh toán hết số tiền còn lại là 103.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ số tiền lãi phát sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Việc cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định. Tại phiên tòa, xét xử đúng thời gian, địa điểm, đúng thành phần, thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định. Có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát tóm tắt nội dung vụ án, ý kiến của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty ĐT về việc buộc Công ty PN phải thanh toán cho Công ty ĐT số tiền nợ gốc là 412.692.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/02/2022 là 90.276.375 đồng, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 502.968.375 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty PN phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty ĐT khởi kiện yêu cầu Công ty PN phải thanh toán tiền mua các sản phẩm cọc bê tông còn nợ, tiền lãi suất chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0310840295 của Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN, đăng ký lần đầu ngày 11/5/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/5/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty PN có trụ sở chính tại số 1D đường Tân Hòa 2, phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty PN chưa đăng ký giải thể nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Qúy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai

nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn thiếu là 412.207.660 đồng, Hội đồng xét xử xét:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất: Công ty ĐT và Công ty PN ký kết Hợp đồng cung cấp cọc số: 50/2018/HĐ/BT620 về việc bán sản phẩm cọc ống bê tông ly tâm cho Công ty PN, Phụ lục hợp đồng số: 01-50/2018/HĐ/BT620 ngày 04/01/2019; Phụ lục hợp đồng số: 02-50/2018/HĐ/BT620 ngày 22/01/2019, với tổng giá trị hợp đồng là 8.910.462.000 đồng nhưng do phát sinh thêm trong quá trình thực hiện công trình nên tổng giá trị hợp đồng thực hiện trên thực tế là 9.237.140.000 đồng để thi công dự án Khu nhà ở cao tầng tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do Công ty PN làm nhà thầu thi công. Qúa trình thực hiện hợp đồng, giữa đôi bên đến nay không có tranh chấp gì ngoài số tiền Công ty PN chưa thanh toán hết cho Công ty ĐT. Công ty PN thừa nhận đã thanh toán tổng cộng là 8.824.448.000 đồng còn nợ Công ty ĐT số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty PN gặp nhiều khó khăn về tài chính nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty ĐT.

Tại phiên hòa giải ngày 30/11/2021, đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận Công ty PN còn nợ Công ty ĐT số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng và sẽ thanh toán làm 03 đợt, cụ thể: Ngày 31/12/2012, thanh toán 206.000.000 đồng; Ngày 30/01/2022, thanh toán 103.000.000 đồng; Ngày 28/02/2022 sẽ thanh toán hết số tiền còn lại là 103.000.000 đồng.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh T ghi ngày 23/02/2022 có nội dung: Giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện, yêu cầu Công ty PN trả ngay một lần số tiền nợ gốc là 412.692.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/02/2022.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, phía bị đơn cũng không có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Tại khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại 2005 quy định: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận"*. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 412.692.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả: Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng hai bên đã ký với lãi suất của Ngân hàng Sacombank công bố tại thời điểm bên mua trả nợ thực tế là 7,5%/năm, tương đương 1,625%/tháng tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày 28/02/2022 là 35 tháng là 90.276.375 đồng.

Tại khoản 5.3 Điều 5 của Hợp đồng số: 50/2018/HĐ/BT620 ngày 05/10/2018 và Điều 1 của Phụ lục hợp đồng số: 01-50/2018/HĐ/BT620 ngày 04/01/2019, Công ty ĐT và Công ty PN thỏa thuận phương thức thanh toán: Theo từng đợt đặt hàng; Quyết toán: Sau khi kết thúc công việc cung cấp cọc, bên mua và bên bán tiến hành quyết toán toàn bộ giá trị lô hàng và bên mua thanh toán đến 100% giá trị Quyết toán khi đã khấu trừ tạm ứng và các đợt đã thanh toán cho bên bán trong vòng 15 ngày.

Tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng hai bên đã ký có thỏa thuận việc trả lãi suất do chậm thanh toán nếu bên mua tạm ứng, thanh toán tiền hàng cho bên bán chậm hơn so với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thì bên mua phải trả thêm lãi suất chậm thanh toán cho bên bán trong thời gian chậm trả, lãi suất chậm thanh toán được xác định bằng với lãi suất của Ngân hàng Sacombank công bố tại thời điểm bên mua trả nợ thực tế.

Tại khoản 2 Điều 50 của Luật Thương mại 2005 quy định: *"Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật"*.

Xét thấy, tại Bảng quyết toán giá trị hoàn thành ghi ngày 15/3/2019 nguyên đơn và bị đơn cùng có ký xác nhận tính từ ngày 27/10/2018 đến ngày 13/3/2019 bị đơn còn nợ lại số tiền là 2.133.923.450 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn thừa nhận đến nay vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền chưa thanh toán là 412.692.000 đồng. Đối chiếu với thỏa thuận nêu trên giữa đôi bên thì ngày quyết toán giữa đôi bên theo bảng quyết toán tính đến ngày 13/3/2019 nên ngày bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 28/3/2019 (tức là 15 ngày kể từ ngày quyết toán giữa đôi bên).

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng Sacombank công bố tại thời điểm bên mua trả nợ thực tế là 7,5%/năm, tương đương 1,625%/tháng tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2022) là 35 tháng với số tiền 90.276.375 đồng là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 7 của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết; phù hợp với lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn của các Ngân hàng cung cấp tại các tài liệu đính kèm theo các Công văn số 737/GĐI-KT ngày 29/12/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, số 1138/NHNo.CN9-KTNB ngày 17/12/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, số 694/CV-CNĐSG-P.TH ngày 17/12/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam; phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có ý kiến xin miễn giảm tiền lãi chậm thanh toán nhưng không được nguyên đơn đồng ý và tại đơn xin vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng đã thể hiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn trả tiền chưa thanh toán và trả tiền lãi chậm thanh

toán nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến xin miễn không nộp tiền lãi của bị đơn.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 24.118.735 đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 24, khoản 1 khoản 2 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 - ĐT:

Buộc Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 - ĐT số tiền thanh toán còn thiếu theo Hợp đồng số: 50/2018/HĐ/BT620 ngày 05/10/2018, Phụ lục hợp đồng số: 01-50/2018/HĐ/BT620 ngày 04/01/2019; Phụ lục hợp đồng số: 02-50/2018/HĐ/BT620 ngày 22/01/2019 là 412.692.000 đồng (Bốn trăm mười hai triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/3/2019 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm (28/02/2022) là 90.276.375 đồng (Chín mươi triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), tổng cộng là 502.968.375 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng số 50/2018/HĐ/BT620 ngày 05/10/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của

pháp luật được hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2/ Án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Khai thác Xây dựng Vận tải PN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 24.118.735 đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 - ĐT số tiền 11.297.951 đồng tạm ứng án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bê Tông 620 - ĐT đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2019/0046979 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lệ Quyên